TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 313/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 28 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thức

2. Ông Trần Văn Chu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2019/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc: "*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Hoàng Nguyên K, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường B2, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2019, biên bản hòa giải ngày 12/8/2019, nguyên đơn anh Hoàng Nguyên K trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Ngọc G cưới nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Kr (nay là phường B2, thị xã B1), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 17/3/2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng anh sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống không hợp nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng có ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh cũng có về thăm con và nói việc hàn gắn tình cảm với chị G

nhưng chị G không đồng ý. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn với chị G và mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Ngọc G.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Hoàng Nguyên Bảo C, sinh ngày 04/5/2009 và cháu Hoàng Nguyên K1, sinh ngày 18/6/2011 hiện đang sống với chị G. Nay ly hôn, do hai con chung có nguyện vọng sống với mẹ nên anh đồng ý để hai con chung cho chị G nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2019 và biên bản hòa giải ngày 12/8/2019, bị đơn chị Trần Thị Ngọc G trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Hoàng Nguyên K về thời gian cưới nhau, nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng nhưng thời gian sống ly thân của vợ chồng là trước năm 2016 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị là do anh K bạo hành gia đình, vợ chồng chị không có ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn mà một năm sau thì anh K mới xuống cớ với phường xã không ly hôn với chị. Nay anh K xin ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý nhưng phải đủ điều kiện về con là cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và tài sản mà cha anh K cho phải để lại cho con của anh chị.

Về con chung: Chị đồng ý là vợ chồng chị có 02 con chung tên là Hoàng Nguyên Bảo C, sinh ngày 04/5/2009 và cháu Hoàng Nguyên K1, sinh ngày 18/6/2011 hiện đang sống với chị. Nay ly hôn, chị đồng ý tiếp tục nuôi cháu C, cháu K1 và yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: không có nhưng tài sản cha mẹ anh K cho diện tích 7000m^2 đất trồng cây lâu năm và đất nền nhà ở cạnh nhà nội (ngang 4m, dài 20m, sát mặt lộ cạnh nhà cha anh K) nhưng quyền sử dụng đất còn cha anh K đứng tên nên chị đề nghị anh K để lại cho hai con.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Anh Hoàng Nguyên K trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Ngọc G. Về con chung: Anh xin để cho chị G trực tiếp nuôi cháu Hoàng Nguyên Bảo C, sinh ngày 04/5/2009 và cháu Hoàng Nguyên K1, sinh ngày 18/6/2011. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 05/9/2019. Tài sản chung: Chiếc nhẫn cưới anh đã tự giao xong cho chị G nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có. Án phí hôn nhân và cấp dưỡng sơ thẩm thì anh đồng ý nộp.

- Chị Trần Thị Ngọc G trình bày: Chị đồng ý ly hôn với Hoàng Nguyên K. Về con chung: Chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hoàng Nguyên Bảo C, sinh ngày 04/5/2009 và cháu Hoàng Nguyên K1, sinh ngày 18/6/2011. Chị đồng ý để anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 05/9/2019. Tài sản chung: Chiếc nhẫn cưới chị đã nhận từ anh K xong nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử.

- Về nội dung: nhận thấy tại phiên tòa, hai bên thuận tình ly hôn và thỏa thuận được các vấn đề của vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên.

Từ các lời trình bày trên;

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa sơ thẩm.

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, anh K và chị G đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 213, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Nguyên K và chị Trần Thị Ngọc G. Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01/2008 ngày 17/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kr (nay là phường B2, thị xã B1), tỉnh Đắk Lắk chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Nguyên Bảo C, sinh ngày 04/5/2009 và cháu Hoàng Nguyên K1, sinh ngày 18/6/2011 (phù hợp với biên bản lấy ý kiến cháu C, cháu K1 ngày 29/7/2019 của Tòa án). Ghi nhận anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000đ

(hai triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 05/9/2019.

Anh Hoàng Nguyên K được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung: Hai bên đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí (hôn nhân + cấp dưỡng) sơ thẩm: 600.000đ (sáutrăm ngàn đồng), anh Hoàng Nguyên Kn tự nguyện nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004844 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Anh K còn phải nộp tiếp số tiền án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND phường B2,
thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Vũ